

CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG Ở VIỆT NAM

**Nguyễn Tuấn Phú
Vụ trưởng, Vụ Nông nghiệp
Văn phòng Chính phủ**

I. NHU CẦU CẦN THIẾT VỀ CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG Ở VIỆT NAM.

1. Tầm quan trọng của rừng đối với việc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của Việt Nam.

- Việt Nam hiện có khoảng 12,712 triệu ha rừng.
- Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp của Việt Nam: năm 2020 đưa diện tích rừng đạt khoảng gần 16 triệu ha, với tỷ lệ che phủ 47%.

Xét về lợi ích kinh tế: rừng tạo ra giá trị sử dụng hiện vật và giá trị sử dụng trù tượng.

Giá trị sử dụng “hiện vật” (còn gọi là giá trị sử dụng trực tiếp)

Giá trị sử dụng “trù tượng” (còn gọi là giá trị sử dụng gián tiếp)

2. Nhu cầu hình thành chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam.

2. Nhu cầu hình thành chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam.

Có cuộc sống an lành, muốn sống tốt thì phải chi trả tiền, phải tổ chức trồng rừng, bảo vệ rừng để rừng sản xuất ra các giá trị sử dụng làm chức năng phòng hộ môi trường, cung ứng cho con người thụ hưởng.

Những người lao động lâm nghiệp (gọi là các chủ rừng), trực tiếp đầu tư vốn, lao động để trồng rừng, bảo vệ rừng tức là sản xuất ra của cải vật chất gọi là các giá trị sử dụng của rừng.

Các giá trị sử dụng này được cung ứng cho mọi thành viên trong xã hội thụ hưởng, thì các chủ rừng phải được chi trả, hoàn lại phần vốn, lao động mà họ đã đầu tư cho rừng.

Giá trị sử dụng trừu tượng của rừng là “loại hàng hoá đặc biệt”, có giá trị rất lớn, chiếm tới 60-80% tổng giá trị kinh tế mà rừng tạo ra.

2. Nhu cầu hình thành chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam.

Cần phải được hình thành « thị trường » để trao đổi giữa người sản xuất cung ứng các giá trị sử dụng của rừng với người hưởng thụ các giá trị sử dụng này.

Các hoạt động trao đổi cung ứng dịch vụ các giá trị sử dụng từ môi trường rừng như trên được gọi là « Chi trả dịch vụ môi trường rừng ».

II. NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM VỀ CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG.

1. Mục đích, yêu cầu về chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Đưa vào thực tế cuộc sống những nội dung Luật pháp, chính sách của Nhà nước về lâm nghiệp, về xã hội hoá nghề rừng; nâng cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của mọi tổ chức, cá nhân đối với sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng.
- Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, tạo điều kiện để ngành lâm nghiệp hoạt động đúng quy luật của nền kinh tế sản xuất hàng hoá. Thực hiện tiến tới xoá bỏ cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước đầu tư cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng.
- Bảo đảm cho người lao động trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, bảo vệ phát triển rừng (người cung ứng dịch vụ môi trường rừng) được chi trả giá trị của rừng do mình tạo ra, đúng giá trị của rừng đem lại cho xã hội.
- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM VỀ CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG.

2. Nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2.1. Thống nhất một số khái niệm trong nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng:

- * Môi trường rừng**
- * Dịch vụ môi trường rừng**
- * Chi trả dịch vụ môi trường rừng**

2.2. Các hình thức chi trả dịch vụ môi trường rừng:

- * Chi trả dịch vụ môi trường rừng trực tiếp**
- * Chi trả dịch vụ môi trường rừng gián tiếp**

2.3. Xác định các đối tượng được chi trả dịch vụ môi trường rừng:

II. NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM VỀ CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG.

2.3. Xác định các đối tượng được chi trả dịch vụ môi trường rừng:

* Tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn và cá nhân có tư cách pháp nhân, được giao rừng tự nhiên, nhận khoán quyền sử dụng rừng tự nhiên ổn định lâu dài để bảo vệ, phát triển rừng, được chi trả phù hợp với giá trị của rừng

* Tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn và cá nhân có tư cách pháp nhân, được giao đất, giao và khoán rừng sản xuất

* Các loại rừng được áp dụng chi trả dịch vụ môi trường rừng là:

- Rừng phòng hộ và rừng đặc dụng
- Đối với rừng sản xuất

II. NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM VỀ CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG.

2.4. Xác định các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng

- * Các tổ chức cá nhân được hưởng lợi từ rừng (khai thác thủy lợi, thủy điện, Du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, nghỉ dưỡng, tham quan, nghiên cứu khoa học, học tập ...).
- * Những người sống trên đất nước Việt Nam được hưởng thụ môi trường trong lành từ rừng đem lại (ngăn chặn thiên tai, dịch bệnh, tạo không khí trong lành).
- * Nguồn kinh phí đã hình thành từ trước như thủy lợi phí, Thuế tài nguyên, hàng năm được trích chuyển trả lại cho các dịch vụ môi trường rừng.
- * Các tổ chức cá nhân có hoạt động gây tác động ảnh hưởng có hại đối với rừng (khai khoáng, khai thác lâm sản, sản xuất gạch ngói, gốm sứ, khai hoang, thải công nghiệp, khói ô tô, xe máy; ...).
- * Nguồn thu từ hỗ trợ, đóng góp của các nước, các tổ chức trong nước và quốc tế.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM VỀ CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG.

2.5. Xác định các trường hợp được miễn, giảm chi trả dịch vụ môi trường rừng:

- * Hộ gia đình có công với tổ quốc**
- * Gia đình thuộc diện ưu tiên chính sách xã hội**
- * Hộ gia đình, cá nhân là nông dân đã đóng thuế lợi phí thì không phải thực hiện chi trả các dịch vụ môi trường rừng.**

III. TƯƠNG LAI TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CỦA VIỆT NAM.

1. Về tổ chức xây dựng chính sách Phí chi trả dịch vụ môi trường rừng

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì nghiên cứu xây dựng chính sách thí điểm và thực hiện thí điểm tại hai tỉnh Lâm Đồng và Sơn La

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức xây dựng chính sách PES

- Thành lập Ban điều hành Trung ương đặt tại Bộ, do Thứ trưởng bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm trưởng ban, Thành viên của Ban Chỉ đạo là đại diện lãnh đạo các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và môi trường
- Điều đặc biệt quan trọng là phải lựa chọn được tổ chuyên gia có chuyên môn sâu về xây dựng cơ chế chính sách trong ngành Lâm nghiệp phục vụ cho hoạt động chỉ đạo của Ban Điều hành trung ương.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức xây dựng chính sách PES (Tiếp)

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã trình lên Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ đang trong quá trình tu chỉnh để trình Thủ tướng phê duyệt ký phát hành.

Thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng thì Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sẽ chỉ đạo tổ chức thí điểm tại 2 tỉnh Lâm Đồng và Sơn La trong thời gian 2 năm, sau đó sẽ tổng kết bổ sung hoàn chỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định ban hành chính sách chung trong cả nước

3. Vai trò hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức quốc tế có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện chính sách PES ở Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam đã xác định rõ vai trò quan trọng của việc hợp tác quốc tế để giúp đỡ thúc đẩy xây dựng chính sách PES của Việt Nam.

3. Vai trò hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức quốc tế có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện chính sách PES ở Việt Nam.

Động viên sự hỗ trợ tài chính, về kỹ thuật và kinh nghiệm tổ chức của các tổ chức Quốc tế : Winrock, GTZ... và cân đối nguồn vốn trong nước bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện các nội dung công việc xây dựng và triển khai chính sách PES ».

Tổ chức Winrock International đã tham gia triển khai ngay từ đầu, giúp đỡ Việt Nam xây dựng chính sách PES rất kịp thời và toàn diện, cả về kinh nghiệm tổ chức, về nội dung chuyên môn và về tài chính nên đạt được hiệu quả rất thiết thực.

Chính sách PES của Việt Nam đã học tập, tiếp thu được những kinh nghiệm quý báu của nhiều nước trên thế giới về giải quyết chính sách đối với phát triển ngành lâm nghiệp và bảo vệ môi trường.

Đây cũng là bài học quý báu trong quá trình xây dựng và phát triển đối với ngành lâm nghiệp Việt Nam.